

SỰ KẾT HỢP TÀI HOA THI CA VÀ TRIẾT HỌC TRONG THƠ CHẾ LAN VIÊN

ĐOÀN TRỌNG HUY*

TÓM TẮT

Chế Lan Viên là người có cốt cách nhà thơ triết gia. Ông đã biết kết hợp tổng hòa một cách nghệ thuật thơ ca và triết học. Sự kết hợp ấy nhìn trên toàn bộ những phương tiện biểu hiện nghệ thuật cơ bản là sự kết hợp nhuần nhuyễn đầy hiệu quả.

Thơ ca nhiều thi tứ triết học, có hệ thống hình ảnh phong phú đa dạng như phát ngôn về ý tưởng triết lý. Khuynh hướng triết luận ngày càng gia tăng nhất là ở các tập Di Cảo

Chế Lan Viên mạnh dạn mở ra một mạch thơ ca mới hiện đại, tính triết lý trong thơ như một biểu hiện mới của thời đại tri thức.

ABSTRACT

Harmonious association between poetry and philosophy in Che Lan Vien's poetry

Che Lan Vien was a poet with a style of philosopher. He knew how to combine harmoniously poetic art and philosophy. In general, the combination expresses the most basic art skillfully and effectively.

His poetry had many poetical ideas of philosophy with a system of diversity of images such as describing the philosophic ideas. The philosophic tendency increased more and more, especially in the copies of posthumous manuscript.

Che Lan Vien was proactive in opening a new style of modern poetry; the philosophy in poetry as an new expression of the knowledge age.

Chế Lan Viên là người có **cốt cách** nhà thơ – triết gia. Từ khi cầm bút, còn rất trẻ, đã có suy tưởng triết học và từ đó triết học là niềm đam mê cả một đời viết. Nhà thơ lại có một kiêu tư duy rất thích hợp với đầu óc trí tuệ, thiên về lý trí. Đó là tư duy triết học – từ siêu hình đến biện chứng – với những phương thức, những thao tác phù hợp và đặc biệt với một con mắt triết học tinh tường, chính xác, nhạy bén được định hướng rất chuẩn mực. Đó là những điều kiện, những nhân tố tạo thành

cần thiết hết sức quan trọng cho một nhà tư tưởng – triết gia.

Tuy nhiên, điều quan trọng nhất bảo đảm cho Chế Lan Viên **có đầy đủ tư cách** nhà thơ triết lý chính là ông đã biết **kết hợp tổng hòa một cách nghệ thuật thơ ca và triết học**.

Nhìn một cách tổng thể **trên toàn bộ những phương tiện biểu hiện nghệ thuật** cơ bản nhất là sự kết hợp nhuần nhuyễn, hiệu quả.

Có nhiều **lập ý, cấu tứ** thơ là ý tưởng hoặc thi tứ triết học. Trên cả tư tưởng là quan niệm, là nhận thức, là quy luật nhận thức như chân lý. Ta nói quân

* PGS TS, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

với dân như cá với nước là chỉ quan hệ sống và phát triển, là nói tình quân dân – quan hệ tình cảm đặc biệt. Nhưng khi nói tới quy luật tồn tại của quan hệ tình cảm là thiên về triết lý: “*cá sống vì nước, nhờ có nước*” cao hơn “*cá sống trong nước*”. Cũng vậy, nói nguồn sống, sức sống và quy luật của quan hệ nhân dân (bộ đội, cán bộ với dân) là nghiêng về triết luận. “*Con gặp lại nhân dân*” được so sánh chòm, lớp từng cặp đôi với nai (về) suối cũ, cỏ (đón) giêng hai, chim én (gặp) mùa, trẻ thơ... (gặp) sữa, chiếc nôi ngừng (gặp) cánh tay đưa. Đó là chân lý – sự thật – cũng là triết lý.

Hệ thống hình ảnh hết sức đa dạng, phong phú trong thơ Chế Lan Viên cũng góp phần đắc lực tạo ra những phát ngôn về ý tưởng triết lý.

Nhất là khi những hình ảnh được đặt trong thế đối lập để so sánh (ngầm hoặc công khai), để đối chiếu làm bật ra ý nghĩa đích thực của sự việc, tâm trạng, tình huống. Tài năng của Chế Lan Viên chính là sự sắp đặt, bố trí, thiết kế và cho vận hành những hình ảnh, chòm hình ảnh các kiểu loại để làm bật ý tưởng. Và đặc sắc thường là những hình ảnh gợi nhiều tư duy trí tuệ và cảm xúc: ẩn dụ, tượng trưng hoặc ẩn dụ – tượng trưng và ngược lại hoặc thực – ảo, hư ảo thậm chí siêu thực!

Chẳng hạn như **thời gian**. Ta đã nghe nói nhiều về “*thời giờ thấm thoát thoi đưa*”, “*bóng câu cửa sổ*” (bóng ngựa câu)... Chế Lan Viên cũng nói: **Thời gian nước xiết, Thời gian xuôi chảy (Di cảo thơ I)**. Nhưng, cùng ý tưởng triết lý với **Thời gian (Di cảo thơ III)** là triết

luận này: *Sương có triết lý của sương và mạng nhện thì triết lý theo lối nhện/ Nhưng cả hai đều cùng một kẻ thù chung, một giặc dữ: thời gian (Hạt sương và mạng nhện)*. Đọc **Thời gian** thấy có câu mở đầu thật dữ dội “*Thời gian giết lặng lẽ, không dao không đổ máu*”. Cũng trong **Di cảo thơ II** lại có triết lý về **Sông thời gian** độc đáo khác: *Cái cuộc đời là bể – cứ gì sông/ Trong ấy, tôi tìm cả kho vàng thiên hạ đắm*.

Nói về **nỗi đau** cũng có khá nhiều thơ. Về ý tưởng buồn đau, bế tắc xưa: “*Dĩ vãng buồn thương... Đến làm giặc giữa lòng ta*”, “*Giấc mơ con đè nát cuộc đời con*”. Nhưng quan trọng hơn là những triết luận, phải biết giết chết nỗi đau quá khứ, biết tìm ra vũ khí tự vệ, tự giải thoát như một quy luật sống, hành động và ứng xử *phá cô đơn ta hòa hợp với người...* Liên kết hình ảnh là một thủ pháp đặc sắc của Chế Lan Viên trong tư duy ý – hình (hoặc hình - ý) để đúc kết một lý lẽ, một luận điểm, rút ra một triết lý. Chỉ để nói cái đau của sự sinh thành là một loạt hình ảnh được huy động, có sức khái quát lớn, giàu cảm nhận thuyết phục triết lý. *Cách mạng chương đầu* dẫn ra một loạt cảnh từ “*ổ rom nghèo*”, “*giường đá lạnh*”, “*cái tã rách nát buồm*”... đến “*mật xanh, mật vàng*” “*nôn mửa của mẹ*”, những quận thất từng con trong cuộc sinh thành để đi đến kết luận “*Cái nở sinh là một vết thương hồng/ Khi cưu mang giọt máu trong lòng/ Để cái sống đau gân như chết*”.

Trong các tập **Di cảo thơ I, II, III** đậm triết luận thường xuất hiện những hình ảnh huyền ảo, biểu trưng, siêu thực:

Ta mắt cả ta trong mỗi lần mở bát/ Mà vẫn say tiếng sóc siêu hình trong đĩa của trời khuya (Xóc đĩa). Ngoài cái ngã đầy lệ máu của mình còn vô ngã hai bên (Thơ hiện đại). Đến ngày anh ở trong vô hình – bóng tối/ Bên kia, bên kia anh quay đầu nhìn lại/ Ngũ sắc cuộc đời chói lọi... Cái siêu hình rên xiết biến đi đâu (Đến ngày).

Còn cao hơn nữa là những **hình tượng thơ** vừa giàu mỹ cảm vừa giàu màu sắc trí tuệ và hàm ẩn triết lý. Ý tứ như ngưng lại thì hình tượng bật dậy loé sáng nổi lên hàm súc thơ.

Trong khuynh hướng sử thi một thời, dễ hiểu là nhiều nhà thơ gặp nhau ở những cảm xúc suy tưởng về *nhân dân, đất nước, về người anh hùng, về lãnh tụ...* Chế Lan Viên cũng vậy nhưng hơn thế, còn tung hoành khai thác, khám phá, sáng tạo trên nhiều địa hạt, nhiều cấp độ giàu yếu tố khái quát, tượng trưng. Chẳng hạn hình tượng *không gian* phong phú: không gian đất nước, không gian chiến trận... hoặc *thời gian*: lịch sử, thời kỳ, thời đoạn hoặc thời cơ, thời điểm như sự bật phát của tích tụ, tích lũy thời gian. Nhiều hiện tượng, sự kiện phần lớn mang tầm vóc kỳ vĩ: chiến thắng, niềm tin, nhân phẩm, nhân đạo, sự hy sinh, nỗi khổ đau... Hầu như, tất cả, với bàn tay điệu nghệ thi ca đã được hình tượng hóa và đều là những hình tượng mang ý nghĩa chính luận và triết luận.

Nhân dân, Dân tộc, Tổ quốc được tôn vinh, chiêm ngưỡng và suy tưởng với bao điều lớn lao, kỳ vĩ. Đó là những đối tượng có tầm vóc để luận bàn triết lý về sức mạnh của tình yêu và nghĩa vụ, về

mối quan hệ cá nhân và cộng đồng, con người và đất nước, dân tộc và thời đại... Với con mắt nhạy cảm thời sự, chính trị, Chế Lan Viên luôn chiếu soi vào hình tượng ánh sáng của thời đại trong những thời điểm đặc biệt, đem lại những khía cạnh hoặc toàn vẹn một nhận thức, suy tư mới. *Buổi đất nước của Hùng Vương có Đàng... Hỡi sông Hồng tiếng hát bốn nghìn năm/ Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng?* Nhà thơ phát hiện những vấn đề từ bản chất *Đâu chẳng đất lành Tổ quốc/ Chẳng tình Đàng dạy, Dân nuôi*. Với tư duy triết học, Chế Lan Viên thường quy chiếu hình tượng khái niệm, quan niệm, vào những định nghĩa hoặc nội hàm suy tưởng mới: *Ta mọc dậy trước mắt nhìn nhân loại/ Hai tiếng Việt Nam đồng nghĩa với anh hùng*. Dân tộc đã được khai thác gần như triệt để qua nhiều tương quan, lịch sử, thế giới, trong sự nghiệp, kỳ tích... ở **Định nghĩa dân tộc (Di cao thơ III)**. Suy tư triết lý cũng khái quát qua những gì rất cụ thể. Nhân dân anh hùng là cộng đồng bao gồm những con người, những cá thể tự phát sáng *“Thần chiến thắng là những người áo vải”*.

Một trong những phát hiện có tính độc đáo của Chế Lan Viên là đan lồng cái riêng trong mối quan hệ với cái chung thông qua hình tượng để tạo chiều sâu cho ý tưởng triết luận. Nghĩ về quá khứ là những câu thơ buồn xa xót, chua cay *Tổ quốc trong lòng ta mà có cũng như không!/ Nhân dân ở quanh ta mà ta chẳng thấy!/ Thơ xuôi tay như nước chảy xuôi dòng!... Trong nước mắt thơ tôi, tôi*

chưa ngờ chất thép/ Chưa thấy trong máu mình sấp cuộn máu nhân dân...

Đề sau này, khi so sánh với hiện tại là những câu thơ cảm động ràn nước mắt “*Mắt ta nhớ mắt người, tai ta nhớ tiếng/ Mùa nhân dân giăng lúa chín rì rào*”... “*Trên cả lòng ta còn lòng Tổ quốc/ Cả cuộc đời mỗi lúc gọi đi lên*”... “*Ôi! Cái thuở lòng ta yêu Tổ quốc/ Hạnh phúc nào không hạnh phúc đầu tiên?*”.

Ngày vĩ đại tràn ngập hào hùng trong biển triều cách mạng. Đất nước, Dân tộc thăng hoa trong Đại thắng. Cái chân lý cũng là triết lý đọng ở câu thơ *Nhưng phải chiến thắng lớn thì dân tộc mới chói loà bản ngã*. Cái bản ngã hay bản lĩnh không chỉ là điểm tựa tinh thần mà còn là nguồn hun đúc sức mạnh cho mỗi cá nhân, để con người cũng có bản ngã, bản lĩnh lớn. Và đây là ý nghĩa triết lý của sự biến hóa ấy. *Cả dân tộc không ai là quân dự bị, Không sắt thép anh hùng thì không thể thành người và sống được nơi đây*... Những gì kỳ diệu nhất đều có thể xảy ra *Cá hóa rồng và Bụt hiện thường xuyên/ Ở đất nước thường sống bằng tiềm lực/ Trong mỗi quả thị nghèo luôn có một nàng tiên*.

Lãnh tụ Hồ Chí Minh được Chế Lan Viên dành cả đời thơ để khắc họa thành hình tượng thẩm mỹ tuyệt vời. So sánh đôi với Tố Hữu, nhà thơ Chế Lan Viên với tư duy nghệ thuật độc đáo đã ra sức dựng nên những bức chân dung thật đẹp với những đường nét, hình vẽ riêng. Cùng với tầm tư tưởng ngày càng nâng cao, Chế Lan Viên nhìn nhận phát hiện lãnh tụ trong nhiều mối tương quan để phát hiện phẩm cách tuyệt đẹp của

Người. **Hoa trước Lãng Ngươi** [2] tập hợp những bài thơ hay nhất về Bác Hồ, dựng hình tượng Bác trong rất nhiều vị thế, nhiều tư cách với tầm vóc cao vời. Với phong cách chính luận và triết luận, Chế Lan Viên thiên về khai thác con người trí tuệ trác tuyệt, nhà tư tưởng cao siêu, bậc hiền triết thông tuệ. *Đây cũng là nhà hiền triết hiểu chỗ đến, chỗ đi sự vật/ Ngươi về nơi phải về, Ngươi rất ung dung/ Ngươi trồng cây suốt một đời trông/ Chỗ Ngươi khổ công gieo, ta sẽ hái/ Nhân loại biếc màu xanh Ngươi để lại*... Triết luận về quan hệ lãnh tụ và quần chúng nhân dân, về quan hệ vĩ nhân và thi nhân, nhà thơ đề cập tới sự thâm thấu phẩm cách. Mỗi con người tự nâng mình lên *Qua xứ tinh thần nơi gạn lọc/ Qua khí hậu thanh cao, ngọn lửa tuyệt vời để nhận được ra Ta rách xé trong riêng tây mà Ngươi cao cả anh hùng/ Ngươi trong veo mà ta chưa giản dị được trong lòng*... Nhận vào ta phẩm chất của Ngươi/ Ngỡ như cả tâm hồn ta đối khác (**Ta nhận vào ta phẩm chất của Ngươi**). Nhà thơ qua **Độc văn Ngươi** nói lên tâm hồn cao khiết của một bậc minh triết *Ngọn suối reo! Nghe như tiếng Bác cười/ Và ta đi giữa NON SỐNG là TRANG VIẾT của Ngươi. Bể và Ngươi* tô đậm thêm phẩm cách ấy qua bể thiên nhiên và bể tượng trưng *Bác đã gặp giữa thủy – triều – người, nhân – loại – bể/ Bác nghe bể và tìm ra quy luật*. Với Chế Lan Viên, Hồ Chí Minh là biểu tượng tinh thần và sức mạnh tâm hồn trường cửu của dân tộc *Bác vĩnh cửu muôn đời không thể mất/ Ngươi trong Lãng và Ngươi ở ngoài Lãng (Trong Lãng và ở bên ngoài)*. Vậy

là, không đơn thuần là vấn đề ca ngợi lãnh tụ, Chế Lan Viên còn vượt lên, triết luận về phẩm cách và sức mạnh tinh thần của Người, góp phần sâu sắc vào nhận thức quy luật về thế giới tinh thần trong mối quan hệ tổng hòa Hồ Chí Minh – Đảng – Nhân dân – Nhân loại xuyên suốt lịch sử, thời đại.

Có thể nói **hệ thống ngôn ngữ** giàu biểu cảm trí tuệ và màu sắc triết luận của Chế Lan Viên đã góp phần đắc lực xây dựng những hình ảnh, hình tượng thơ mang nhiều ý vị triết lý.

Đặc biệt đáng lưu ý là so sánh tu từ đậm đặc và thủ pháp tư duy đối lập.

Các tương quan đối lập thường bộc lộ tư duy triết học rõ rệt qua các biểu hiện phong phú của thơ Chế Lan Viên.

Như trái ngược hình thức và nội dung, hiện tượng và bản chất:

Ở đâu? Ở đâu? Có sự diệu kỳ

Ta xé vải chôn ta để may cờ chiến thắng

...

Ta nấu xích xiềng ta làm súng đạn

(Ở đâu, ở đâu, ở đất anh hùng)

Chúng biểu diễn hòa bình như trò chơi diễn xiếc

Bọn giết người cũng tỏ tình, và hát khúc tình ca

(Tuyên bố của mỗi lòng người, khẩu súng, cành hoa)

Cũng vậy qua các trường hợp “*Cái hàm chông là điều nhân đạo nhất*” “*khẩu súng ta ơi, khẩu súng rất nhân tình*”... “*một cái hôn cân vạn ngày lửa đạn*”... “*một giọt máu im lìm/ Mà chuyển rung thế giới*”.

Có khi là đối nghịch nguyên nhân và kết quả: *Tôi đổi năm đau lấy những ngày lành... Đuổi mây dài cướp lấy những trời xanh... (Ý nghĩ mùa xuân)*, khổ đau và hạnh phúc: *Lòng ta, chứa bao giờ ta đi hết được/ Đi hết lòng, tiếng khóc hóa lời ca (Nhật ký một người chữa bệnh)*, hy sinh và vinh quang *Ta chịu đau mà sinh hạ các bài ca... Ta đội triệu tấn bom mà hái mặt trời hồng (Thời sự hè 72, bình luận)*.

Tất cả ngôn ngữ ấy nằm trong phương thức tư duy biện chứng. Ngoài ra những từ như “*lả*”, “*hoá*”, “*hóa thành*” trong nhiều văn cảnh cũng nằm trong tư duy ấy: sự vận động, phát triển, tiệm tiến và bột phát (*Ngoảnh lại mười lăm năm, Người thay đổi đời tôi, Người thay đổi thơ tôi, Phải có thời gian, Ngày vĩ đại, Thơ bổ sung...*).

Khuyh hướng chính luận và triết luận ngày càng gia tăng đặc biệt trong quá trình nhà thơ dần thân thực sự vào cuộc chiến cùng nhân dân với tâm vóc “*đứng ngang tầm chiến lũy*”.

Đó là thời mà những cuộc chiến tranh nóng đang làm chấn thương lương tâm loài người tiến bộ, là thời của đấu tranh quyết liệt bùng nổ mà Việt Nam là một nơi đưng độ lịch sử về quan điểm, về ý thức hệ. Đó cũng là lúc những vấn đề của nhân sinh xã hội được đặt ra gay gắt nhất trong cuộc đấu tranh không khoan nhượng hai phe, hai phía, hai trận tuyến phân biệt đối nghịch như nước với lửa, như bóng tối và ánh sáng. Con người phải nghĩ suy nóng bỏng trong hiện tại và cho hiện tại nhưng cũng phải thức nhận suy tư của tương lai. Vấn đề lẽ sống, lý

tưởng, lương tâm, lương tri được đề cao hơn lúc nào hết. Mỗi mảnh đất, mỗi trang sử đều thấm mồ hôi và máu của liên tiếp các thế hệ:

Đất nghìn năm ngậm máu dưới bề sâu

(Suy nghĩ 1966)

Ở đây ta hãy đem sinh mệnh mình mà giữ lấy

...

Ở đây không đổ máu không còn Tổ quốc

...

Tác đất, tác mồ hôi, tác đất, tác phù sa, tác máu

Những tầng tầng lớp lớp nghĩ suy, mồ hôi, xương máu của cha ông.

(Phác thảo cho một trận đánh một bài thơ diệt Mỹ)

Khi lửa chiến tranh đã tắt, trở về với đời thường lại là lúc ta phải cân lại giá máu khi bàn giao lại cho các thế hệ sau những chiến công mà không phải chiến hào. Những bức xúc nhân sinh mới cũng như của nghệ thuật lại nảy sinh. Xưa kia có lúc Chế Lan Viên đã viết *Máu để ra thơ, mà thơ lại hòng quên (Nghĩ về thơ)*. Sau này, nhà thơ lại nhắc *Đánh giá anh giọt máu im lìm ngủ giữa Trường Sơn/ Im lìm thế mà lắng nghe mọi điều anh viết/ Xem khi máu đã đổ rồi, thơ có cao hơn? (Thơ bình phương – Đời lập phương (I))*. Những năm sau chiến tranh là lúc nhận thức lại, con người phải trở về với chính mình trong cuộc sống đời thường, có hạnh phúc nhưng còn không ít bất hạnh, có niềm vui nhưng còn nhiều nỗi buồn nhân thế. Chế Lan Viên ở trong tình thế chung, tâm trạng phổ biến đó

cũng là trạng thái của suy tư triết lý về cuộc đời bao gồm cả cuộc sống nghệ thuật. **Đổi đời** thực sự là một tâm sự có ý nghĩa triết lý... “*Ra khỏi sức hút của danh vọng, bản thân, tên tuổi/ Trộn hạt giống anh vào trăm giống cao sang hay hèn hạ của đời/ Ăn miếng ngọt ngon, giờ ăn nhục tủi/ Đang là ngọc, tự vùi mình là hạt sỏi/ Nghĩ sâu vào trong cái đang sống bên ngoài...*” Thơ ấy mới thật là thơ vì đã đầu thai vào cuộc đời trần tục, khác nào Đức Chúa Con được đẻ ra bên máng cỏ chuồng cừu “*Hôi hám thế mới thực tình là Chúa*”.

Các tập **Di cảo thơ** chủ yếu là thơ những năm cuối đời chưa được công bố tuy nằm trong ngăn kéo nhưng thực ra là được xếp vào một góc tâm hồn để chờ dịp bộc lộ – là những tâm sự chân thật nhất, những suy tư chín chắn nhất giàu triết lý. Cũng qua đó, thêm một lần nữa ta có cơ sở để xác định nét phong cách suy tưởng triết luận. Cũng có thể định danh đó là phong cách trữ tình trí tuệ mà ở đây là trữ tình triết học (hay triết luận).

Từ đây có thể gọi ra những nét **đặc điểm và tính chất triết lý** thơ Chế Lan Viên qua nét phong cách trữ tình – triết luận.

Trước hết, đó là sự thể hiện một cách *hồn nhiên, tự nhiên* trong nhiều trường hợp, là sự kết hợp hài hòa tình – ý, tình – cảnh, hài hòa logic và hình tượng, hài hòa trí tuệ và cảm xúc.

Đọc thơ Chế Lan Viên thấy cái lý bật ra từ cái tình, triết lý sâu xa toát ra từ xúc động mạnh mẽ, từ cảm nhận chân thành:

- *Khi ta ở chỉ là nơi đất ở*

Khi ta đi đất bỗng hóa tâm hồn
- *Buổi sáng em xa chi*
Cho chiều mùa thu đến
Để lòng anh hóa bến
Nghe thuyền em ra đi
- *Lòng yêu đời là một thanh kiếm sắc*
Đó là những vần thơ nói rất hay về tình yêu riêng, chung.

Đôi khi từ sự ngạc nhiên, sững sốt đầy thú vị: *Mọc chùm hoa trên đá/ Mùa xuân đâu chịu lùi (Đề từ)*. *Nghệ thuật để ra ở chỗ giành hai lực/ Nước xô đi và xoắn lại ở chân cầu (Thơ bình thường – Đòi lập phương II)*.

Có khi tuyên ngôn trực tiếp mà không hề khó hiểu *Tình yêu làm đất lạ hóa quê hương ... Khúc hát hay đâu có lắm lời*. Nhưng phần lớn là kết cấu của hệ thống hình ảnh, hình tượng làm sinh động, thâm thía ý vị triết học. Như đoạn thơ nói về sức mạnh tình dân *Con gặp lại nhân dân như nai về suối cũ... trong Tiếng hát con tàu*; tư thế con người mới *Đứng, đã với cành cao ngắt/ Đi, mơ những bước đi dài trong Ngoảnh lại mùa đông*, lao động thơ qua hành trình hút mật của ong... *Nay rừng nhãn non Đoài, mai vườn cam xứ Bắc/ Ngọt mật ở đồng bằng mà hút nhị tận miền Tây (Ong và mật)*. Người đọc chất lọc, một cách gián tiếp ý vị triết lý sâu sắc mà hấp dẫn.

Một nét dễ thấy nữa là triết lý trong thơ thường *gắn chặt tư tưởng chính trị*. Do vậy chính luận, triết luận nhiều khi khó tách bạch. Nhưng đó là bê-tông cốt thép, được đúc thành một khối, có sức mạnh toàn khối, toàn thể, toàn năng. Lãnh tụ Hồ Chí Minh là hình tượng con người hiền triết được phát hiện qua cái

nhìn triết học, qua tư duy triết lý của nhà thơ:

Là chân lý, Bác chẳng nói nhiều hơn chân lý
Cả nước nghe khi, im lặng, Bác cười
Đâu phải lật sách ra mới tìm thấy Bác
Bác sống trong ta, Bác ở giữa đời
(Bác)

Ta kính trọng, tin yêu lãnh tụ qua chiêm ngưỡng, chiêm nghiệm Người với cảm xúc và suy tư triết lý *Bác nằm kia như một sự kết tinh/ Trăm cuộc sống. Cuộc sống nào cũng đẹp/ Bác nằm đây như cái gì nối tiếp/ Giữa núi sông với núi sông, con người lại con người (Ta nhận vào ta phẩm chất của Người)*. Và thường cuối cùng là triết lý về sự tu dưỡng bản thân (*Người đi tìm Hình của nước, Người thay đổi đời tôi Người thay đổi thơ tôi*).

Cần nêu ra một nét khác giàu tính chất truyền thống là triết lý thường *gắn với đạo lý*: luân thường đạo lý con người dân tộc, đạo đức cách mạng.

Nghĩ về tình mẹ con:

Con dù lớn vẫn là con của mẹ
Đi hết đời lòng mẹ vẫn theo con
(Con cò)

Nghĩ về tình cảm với lãnh tụ:

Lọc hồn ta thành mùa sen hương tỏa
Dâng lên Người trong cõi trường sinh

(Dâng lên Bác)

Nhà thơ – theo Chế Lan Viên – phải có tài, có đức nhưng cao hơn đạo đức thông thường như luân lý, còn phải có *đạo* – tức đạo lý với nghệ thuật, tất nhiên phải tu dưỡng suốt đời để đắc đạo.

Thơ triết lý Chế Lan Viên vì vậy nhiều khi hiện ra với dạng châm ngôn, cách ngôn của thời nay.

Tác phẩm thơ xét cho cùng, cái hay nằm ở chiều sâu tư tưởng, ở ý nghĩa triết lý của nó (Tất nhiên là phải được thể hiện bằng hình thức nghệ thuật đặc sắc, hấp dẫn). Đối với thơ, chủ yếu còn có ý ngoài lời (ý tại ngôn ngoại), ẩn ý, ngụ ý, hàm ý với sức gợi mở, với dư ba của nó. Như quan niệm hiện đại về tính đa nghĩa trong **Độc thơ mạch ngầm văn bản: Độc chữ rồi còn phải đọc ngầm văn bản/ Phía sau lưng (Di cảo thơ III)**. Bản thân Chế Lan Viên từng viết thành công và rất thích thơ cổ điển như tứ tuyệt, thất ngôn Trung Quốc. Cũng thích haiku Nhật Bản – Đó là loại thơ có nội hàm hết sức súc tích, qua đó không ít triết lý cô đọng. Loại thơ chứa đựng sâu kín triết lý thường có ma lực hấp dẫn riêng: dào mãi không cạn, tát mãi không cùng. Có ý kiến bàn về thường thức thơ này: “đọc mãi không chán, nghĩ mãi không hết”.

Thơ Chế Lan Viên đem đến cho ta nhiều cảm xúc và nhận thức mới lạ. Qua tính chất triết lý với giọng điệu mang phong cách trữ tình – triết luận, người đọc suy nghiệm được triết lý với nhiều bổ ích về thế giới nhân sinh xã hội. Vẻ đẹp trí tuệ trong thơ, trong đó có suy tưởng triết lý tạo được nhiều hấp dẫn, có sức thuyết phục. Bởi một lẽ cơ bản là vẻ đẹp có giá trị độc đáo ấy được sáng tạo bằng một nghệ thuật điêu luyện, nhuần nhuyễn của nhà thơ triết gia Chế Lan Viên.

Độc thơ triết lý cứ tưởng đầu khô khan, nặng nề mà hoá ra rất tươi, rất nhẹ, rất hấp dẫn, quyến rũ bởi sự hòa quyện

đến mức tan biến vào nhau của hình ảnh và lý lẽ, giữa lý trí và tình cảm. Như một ví dụ thông thường **Vòng cườm trên cổ chim cu**. Tường khó mà dễ **Triệu tán bom không thể nào làm nổ/ Một hạt cườm trên cổ chim tơ: Sự sống bất diệt. Vòng cườm qua nghìn cơn lửa cháy/ Tiếng gáy tưởng chừng như đã, như chưa**. Dễ đọc nhưng khó phát hiện trùng chủ ý: **Quy luật tuần hoàn**.

Đóng góp của Chế Lan Viên về mặt này – thơ triết lý thời hiện đại - làm giàu có thêm kho tàng thơ triết lý truyền thống với một bản sắc dân tộc đậm đà. Thực ra, ngày nay cũng có nhiều nhà thơ đưa được triết lý vào thơ nhưng tản mạn, ít cô đúc. Tố Hữu thiên về triết lý trong đấu tranh (**Ai chiến thắng mà không hề chiến bại – Ai nên khôn mà chẳng dại đôi lần?...**), Xuân Diệu thường triết lý về tình yêu (**Yêu là chết trong lòng một ít/ Vì mấy khi yêu mà chắc được yêu ...**). Người ta cũng nhắc tới Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Khoa Điềm triết lý trong thơ. Nhưng có thể nói thế này chẳng: Chế Lan Viên là nhà thơ triết lý tài hoa độc đáo nhất trong những nhà thơ Việt Nam của thế kỷ XX.

Mà không chỉ có thế, chính tính chất triết lý này xuất hiện như biểu hiện mới của thời đại tri thức. Con người thông minh thời công nghệ điện tử còn cần tiếp tục khám phá mạnh mẽ vào khát vọng người, vào chiều sâu thế giới tinh thần, để giải mã, kiếm tìm những hạt nhân trí tuệ phong phú có sức mạnh ghê gớm cho năng lượng nghệ thuật. Và như thế, hình như Chế Lan Viên cũng mở ra một dòng mạch thơ ca mới hiện đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế Lan Viên (1976), *Ngày vĩ đại*, Nxb Văn học Giải phóng.
2. Chế Lan Viên (1977), *Hoa trước Lăng Người*, Nxb Thanh niên.
3. Chế Lan Viên Tuyển tập I, II (1985 -1990), Nxb Văn học.
4. Chế Lan Viên (1992), *Di cảo thơ I*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
5. Chế Lan Viên (1993), *Di cảo thơ II*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
6. Chế Lan Viên (1996), *Di cảo thơ III*, Nxb Thuận Hóa, Huế.

BÀI KỆ THỊ TỊCH CỦA ĐẠI SƯ KHUÔNG VIỆT ...

(Tiếp theo trang 5)

¹ Những bài thơ, câu thơ trích dẫn trong bài này dẫn theo *Thơ văn Lý Trần*, tập I (1977) và tập III, quyển thượng (1989), Viện Văn học, Nxb Khoa học xã hội, HN.

² Ý bài thơ *Thất châu* – Đạo Hạnh, Sđd.

³ Chú giải các từ Nôm cổ: bút: Phật; cong: trong; khuây bản: thiếu gốc, mất gốc; cốc hay: giác ngộ mà biết (cốc là giác, hay là biết); chỉn: chỉ.

⁴ *Thị đệ tử* - Vạn Hạnh, Sđd.

⁵ *Truyện Vạn Hạnh thiền sư* – Lý Nhân Tông, Sđd.

⁶ *Cư trần lạc đạo phú* – Trần Nhân Tông, Sđd.

⁷ *Cư trần lạc đạo phú* – Trần Nhân Tông, Sđd.

⁸ *Phật tâm ca* – Tuệ Trung, Sđd.

⁹ *Độc Phật sự đại minh lục hữu cảm* – Trần Thánh Tông, Sđd.

¹⁰ *Độc Phật sự đại minh lục hữu cảm* – Trần Thánh Tông, Sđd.

¹¹ *Vân Tiêu am* – Trần Anh Tông, Sđd.

¹² *Giới am ngâm* – Trần Minh Tông, Sđd.

¹³ *Giới am ngâm* – Trần Minh Tông, Sđd.

¹⁴ *Giới am ngâm* – Trần Minh Tông, Sđd.

¹⁵ *Quốc tộ* - Pháp Thuận, Sđd.